

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-12-2024

V/v Ly hôn giữa chị Uyên - anh Đạt

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hiên;

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thu Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa:*
Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71a/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Mỹ U, sinh năm 2004

Nơi ĐKKHKT: thôn Phú, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình;

Nơi ở hiện nay: thôn A, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Lê Thành Đ, sinh năm 2001

Nơi ĐKKHKT: thôn P, xã Lê, huyện K, tỉnh Thái Bình;

Hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Thái Bình.

(chị U và anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Lê Thành Đ kết hôn với nhau vào ngày 06/9/2022 do tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị

chung sống hạnh phúc với nhau thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung do anh Đạt chơi bời, không chịu khó làm ăn. Hiện nay do có hành vi vi phạm pháp luật nên anh Đ đang bị tạm giam tại Trại tạm giam tỉnh Thái Bình. Nay chị xác định chị và anh Đ không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Lê Thành Đ.

Về quan hệ con chung: chị và anh Đ có 01 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 04/02/2022. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Thành Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Mỹ U tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 06/9/2022 do tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay chị U xin ly hôn, anh đồng ý.

Về quan hệ con chung: Anh và chị U có 01 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 04/02/2022. Do hiện nay phải đi chấp hành án nên anh Đ đồng ý cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Anh không có ý kiến gì về việc chị U không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bà Phạm Thị N (là mẹ đẻ anh Lê Thành Đ) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Mỹ U và anh Lê Thành Đ tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 06/9/2022 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình bà tại thôn P, xã L, cuộc sống chung không có mâu thuẫn gì. Đến đầu năm 2024, do còn trẻ dại, bông bột, anh Đ có hành vi vi phạm pháp luật và bị xét xử về hình sự. Từ đó đến nay chị U chuyển về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ chị tại thôn A, xã L. Nay chị U xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của anh chị để giải quyết.

Về con chung: chị Uyê và anh Đ có 01 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 04/02/2022. Hiện cháu đang sống cùng chị U.

Về quan hệ tài sản chung: chị U và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 20/12/2024 tại UBND xã L, huyện Kiến Xương có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Uy và anh Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Lê L, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn P, xã L. Đầu năm 2024, anh Đ thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị xét xử về hình sự. Hiện nay chị U xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về quan hệ con chung: Chị Uy và anh Đ có 01 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 04/02/2022. Hiện cháu A đang sống cùng với chị U.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phan Thị Mỹ U được ly hôn anh Lê Thành Đ. Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Hoàng A, sinh ngày 04/02/2022 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chấp nhận sự tự nguyện của chị U không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phan Thị Mỹ U khởi kiện xin ly hôn anh Lê Thành Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Ph, xã Lê, huyện K, tỉnh Thái Bình, hiện anh Đ đang thi hành hình phạt tù tại trại Tạm giam Công an tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ U, bị đơn anh Lê Thành Đ có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Uy, anh Đ là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh Đ đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình, là quan hệ

hôn nhân hợp pháp. Năm 2024, anh Đ có hành vi vi phạm pháp luật hình sự, hiện đang phải chấp hành hình phạt tù nên anh Đ không thể chung sống cùng chị U. Chị U cũng trình bày trong quá trình chung sống, nhiều lần anh Đ chơi bời nhưng chị vẫn tha thứ cho anh, tuy nhiên sự việc lần này quá nghiêm trọng, chị không thể tiếp tục tha thứ. Chị xác định hiện nay chị không còn tình cảm với anh Lê Thành Đ, anh chị không có khả năng tiếp tục cùng chung sống. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị U và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị Phan Thị Mỹ U được ly hôn với anh Lê Thành Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Chị U và anh Đ có 01 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 04/02/2022. Hiện nay anh Đ đang chấp hành hình phạt tù nên không thể thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, anh Đ cũng đồng ý. Căn cứ vào điều kiện thực tế và nguyện vọng của các bên, cần giao con chung Lê Hoàng A cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị U không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về quan hệ tài sản: do các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị Phan Thị Mỹ Uyên là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: chị Phan Thị Mỹ U và anh Lê Thành Đ được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Mỹ U ly hôn anh Lê Thành Đ.

2. Về nuôi con chung: Chị U và anh Đ có 01 con chung là Lê Hoàng A, sinh ngày 04/02/2022. Giao con chung Lê Hoàng A cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chấp nhận sự tự nguyện của chị U không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi chị U, anh Đ có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Mỹ U phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị U đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002228 ngày 18/10/2024 sang thi hành án phí. Chị U đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phan Thị Mỹ U, anh Lê Thành Đ vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- UBND xã Lê Lợi;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Anh Tuấn